

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên CTQLQ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (TCC)  
Tên Quỹ niêm yết: Quỹ đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (TCFF)  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28, tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Email: [IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn](mailto:IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn)  
Website: <https://www.techcomcapital.com.vn/>

- Nội dung thông tin công bố:**  
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Kỹ thương công bố Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Quỹ đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (TCFF)
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Người được ủy quyền CBTT



Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám Đốc

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 15
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	24 - 59



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”) (“Quỹ”) được thành lập ngày 05 tháng 12 năm 2018 dưới hình thức quỹ mở. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 33/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 05 tháng 12 năm 2018. Ngày 05/10/2023, Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận điều chỉnh thành lập Quỹ số 361/GCN-UBCK, đổi tên thành Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (thay đổi thành Quỹ mở Cân bằng thay vì Quỹ mở Trái phiếu như trước đây). Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 122.756.937.700 đồng Việt Nam, tương đương với 12.275.693,77 Chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu Tư.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK ngày 30 tháng 1 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”) Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 28, Tòa nhà C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 020703/23/UQ-CTHĐQT ngày 7 tháng 3 năm 2023.

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ, giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hoạt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2022
Ông Đặng Thế Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2018
Ông Trần Việt Thỏa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2018

Tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2020 lần thứ 2 ngày 25 tháng 5 năm 2021, Ban Đại diện Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban đại diện hiện tại thành nhiệm kỳ 2018-2023.

Tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2023 lần thứ 2 ngày 22 tháng 5 năm 2024, Ban Đại diện Quỹ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua việc điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban đại diện hiện tại thành nhiệm kỳ 2024-2028.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (“Quỹ”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

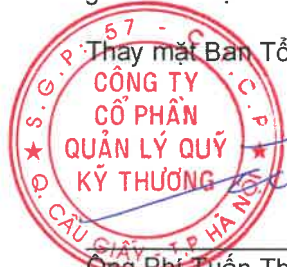
Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu dựa trên các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc  
Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

C.  
TY  
ÂN  
QU  
ÔNG  
T.P.H

QU  
T  
H  
Y  
C  
H  
H

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

### 1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu Tư.

### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Quỹ đã được soát xét, giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ (“NAV/CCQ”) của Quỹ tăng 8,94% so với thời điểm 30 tháng 06 năm 2023

### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và yếu tố thị trường. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư của Quỹ không nằm ngoài chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị hay sự kết hợp của cả hai chiến lược này.

Theo đó, chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào (i) nhóm chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao hoặc được ngân hàng uy tín bảo lãnh (ii) nhóm chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) nhóm chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) nhóm chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, nhằm mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

### 1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

### 1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom được thành lập ngày 05 tháng 12 năm 2018. Vào ngày 05 tháng 10 năm 2023, Quỹ được cấp Giấy chứng nhận số 361/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành Quỹ đại chính về việc đổi tên thành Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (thay đổi thành Quỹ mở Cân bằng thay vì Quỹ mở Trái phiếu như trước đây).

### 1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 122.756.937.700 đồng Việt Nam, tương đương với 12.275.693,77 chứng chỉ quỹ.



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, bản cáo bạch. Khối lượng Đơn vị Quỹ được phân chia trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày chốt danh sách Nhà Đầu tư hoặc một giá trị khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn vị Quỹ, giá trị tài sản ròng trên Đơn vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của Quỹ.

#### 1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ

Trong kỳ quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

## 2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Danh mục chứng khoán	79,25%	85,17%	86,68%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	19,19%	12,14%	10,43%
Các tài sản khác	1,56%	2,15%	2,89%
	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG** (tiếp theo)

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	170.913.182.085	78.478.861.375	99.129.635.297
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	12.275.693,77	6.140.648,76	8.113.629,77
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	13.922,89	12.780,22	12.217,66
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	14.499,55	12.801,55	12.218,55
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	13.473,50	10.745,09	11.793,96
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	2,98%	18,83%	3,61%
▪ Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-4,63%	21,76%	0,54%
▪ Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	5,36%	-0,06%	2,96%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,96%	3,08%	2,10%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	448,59%	138,21%	91,95%

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	8,94%	8,94%
3 năm đến thời điểm báo cáo	20,98%	6,56%
5 năm đến thời điểm báo cáo	34,53%	6,11%
Từ khi thành lập	39,23%	6,12%

**2.4 Tăng trưởng hàng kỳ**

Thời kỳ	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022
Tỷ lệ tăng trưởng (%/năm)/1 đơn vị CCQ	8,94%	4,6%	6,17%

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

### Kinh tế vĩ mô

GDP 6T/2024 ước tính tăng 6,4% - chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,6% của 6T/2022, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,4%, đóng góp 5,9 %; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,5%, đóng góp 44,3%; khu vực dịch vụ tăng 6,6%, đóng góp 49,8%. Về cơ cấu nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,4%; khu vực dịch vụ chiếm 43,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,7% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2023 là 11,6%; 36,5%; 43,1%; 8,8%). Sản xuất nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu, lúa được mùa được giá, cây ăn quả tăng cả về diện tích và sản lượng, hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát. Nuôi trồng thủy sản đạt kết quả khả quan, các địa phương chú trọng đầu tư nuôi thâm canh và bán thâm canh một số thủy sản chủ lực. Diện tích trồng rừng mới tăng, thu hoạch gỗ tăng cao nhờ xuất khẩu khởi sắc, giá gỗ nguyên liệu tăng.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, sản xuất công nghiệp khởi sắc và tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2023. Giá trị toàn ngành công nghiệp 6T/2024 tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,4%), đặc biệt ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,7%. Ngành xây dựng tăng 7,3%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024.

Trong khu vực dịch vụ, hoạt động ngoại thương, vận tải, du lịch tăng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của trong nước cũng như ngoài nước, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.098,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 11,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,7% (cùng kỳ năm 2023 tăng 8,8%).

CPI 6T/2024 tăng 4,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng chủ yếu do tăng chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng; giáo dục,... Bên cạnh đó, chỉ số nhóm bưu chính, viễn thông giảm góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,6 tỷ USD trong 6T/2024. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 190,1 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 178,5 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 6T/2024, mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay duy trì xu hướng giảm, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tính đến thời điểm 24/06/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 1,5% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm 2023 tăng 3,7%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,5% (cùng thời điểm năm 2023 tăng 3,8%).

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6T/2024 theo giá hiện hành ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 4,8%) đã phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh trong nước có xu hướng phục hồi rõ nét ở nhiều ngành, lĩnh vực. Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 392,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 27.0% tổng vốn đầu tư và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; vốn khu vực ngoài Nhà nước đạt 799,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,1%, tăng 6,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 259,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,9% và tăng 10,3%.

CÔNG TY  
QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ  
TECHCOM

1

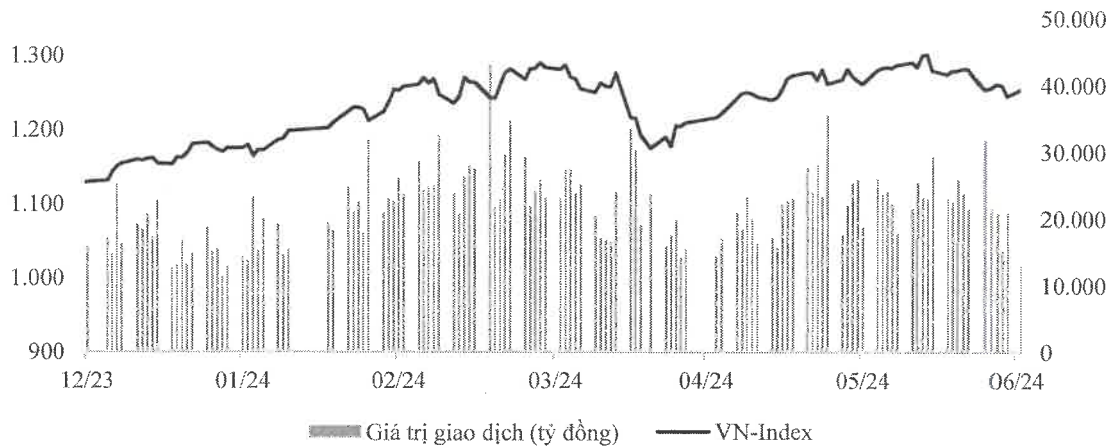
# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## Thị trường chứng khoán

### Biến động VN-Index 6T/2024



Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 28/06/2024, chỉ số VNIndex đạt 1.245 điểm, tăng 10,2% so với cuối năm 2023. Mức tăng giá của chỉ số VN-Index được dẫn dắt bởi những nhóm ngành như Hàng và dịch vụ công nghiệp, Công nghệ thông tin, Bán lẻ, Hóa chất, Hàng cá nhân và gia dụng,... Tính chung 6T/2024, giá trị giao dịch bình quân đạt 21.776 tỷ đồng/phiên, tăng 42,9% so với bình quân năm 2023. Tổng vốn hóa thị trường tại 28/06/2024 đạt 7,069 nghìn tỷ đồng (tăng 19,4% so với cuối năm 2023).

Trên thị trường chứng khoán phái sinh, tính chung từ đầu năm tới đây, khối lượng giao dịch bình quân sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 218.500 hợp đồng/phiên, giảm 7,1% so với bình quân năm 2023.

Trên thị trường trái phiếu, tính từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt 10.187 tỷ đồng/phiên, tăng 56,3% so với bình quân năm 2023.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

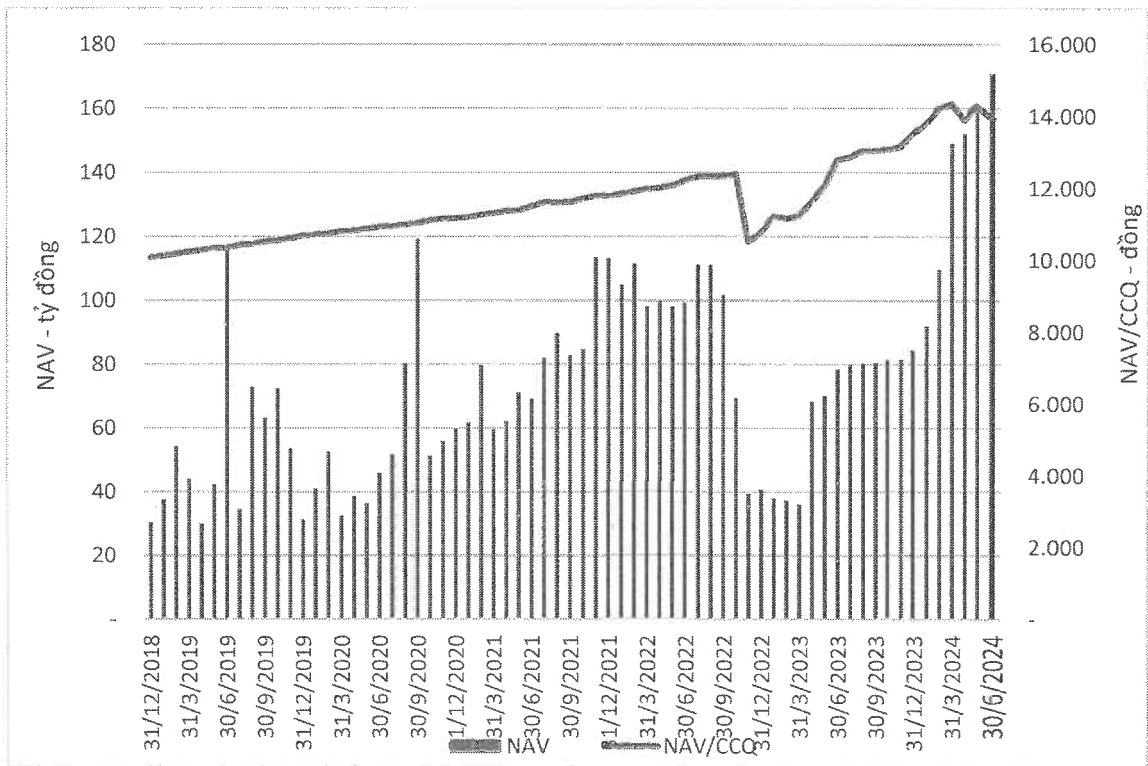
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	5 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	10,38%	21,76%	35,81%	40,48%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-4,80%	-2,37%	-2,69%	-2,68%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	8,94%	20,98%	36,01%	39,23%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	8,94%	6,56%	6,11%	6,12%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	129,27%	-22,06%	4,27%	Không áp dụng

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng cho giai đoạn từ khi thành lập tới ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Quỹ:



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)**

**Thay đổi giá trị tài sản ròng**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Tỷ lệ thay đổi %
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	170.913.182.085	78.478.861.375	117,78%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	13.922,89	12.780,22	8,94%

**4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ Quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	5.082	2.042.588,08	16,64%
Từ 5.000 đến 10.000	137	959.617,58	7,82%
Từ 10.000 đến 500.000	187	8.217.174,49	66,94%
Trên 500.000	2	1.056.313,62	8,60%
	<b>5.408</b>	<b>12.275.693,77</b>	<b>100%</b>



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Lạm phát tại một số nền kinh tế lớn trên thế giới như Châu Âu, Mỹ dần hạ nhiệt, tạo tiền đề tiến đến lộ trình cắt giảm lãi suất trong thời gian tới (vào tháng 06/2024, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã cắt giảm lãi suất lần đầu từ 4% xuống 3,75% sau 5 năm). Bên cạnh đó, kinh tế Trung Quốc cũng cho thấy dấu hiệu phục hồi, được hỗ trợ bởi các yếu tố: sản xuất công nghiệp tăng trưởng, xuất khẩu tăng mạnh, chính phủ tích cực sử dụng các biện pháp nới lỏng để hỗ trợ lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, căng thẳng tại Trung Đông vẫn tiếp tục leo thang, rủi ro giá nhiên liệu tăng cao và lạm phát vẫn còn hiện hữu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam sẽ chịu những tác động nhất định trong ngắn – trung hạn. Để duy trì các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát đòi hỏi các chính sách linh hoạt, kịp thời của Chính phủ.

Trong dài hạn, tiềm năng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam được đánh giá khả quan nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, chính sách linh hoạt của Chính phủ giúp kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế,... Đây cũng là yếu tố chính hỗ trợ xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán.

- Ước tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 28% kế hoạch năm. Năm 2024, Việt Nam đặt mục tiêu giải ngân 95% vốn đầu tư công - đây được coi là động lực để nguồn ngân sách được đẩy mạnh trong giai đoạn nửa cuối năm. Các ngành được hưởng lợi có thể kể đến như Xây dựng, Vật liệu xây dựng,...
- Dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào Việt Nam trong giai đoạn đón làn sóng dịch chuyển đầu tư và tái cơ cấu chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia. Bên cạnh đó, các chính sách của Chính phủ trong việc thu hút FDI, hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ và Nhật Bản, Hàn Quốc,... cùng với cơ sở hạ tầng được hoàn thiện là động lực thúc đẩy đối với ngành Bất động sản Khu công nghiệp.
- Thương mại hàng hóa kỳ vọng được cải thiện trong năm 2024 nhờ kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng mạnh, số lượng đơn đặt hàng gia tăng, hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu.
- Nhu cầu về hàng hóa phục hồi, tình trạng tắc nghẽn tại cảng Singapore – cảng container lớn thứ hai trên thế giới đã dẫn đến giá cước vận tải tăng cao, giá dịch vụ xếp dỡ cảng biển tại Việt Nam tăng 10% giúp các doanh nghiệp ngành cảng và vận tải được hưởng lợi.
- Luật Đất đai (sửa đổi) được thông qua sẽ giúp giải quyết các vướng mắc về mặt pháp lý và phát triển thị trường bất động sản minh bạch hơn, hỗ trợ tâm lý của nhà đầu tư với ngành bất động sản.
- Môi trường lãi suất thấp, các chính sách của chính phủ nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, nhu cầu hồi phục ở các thị trường lớn trên thế giới kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu vay vốn cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực Bất động sản, thương mại và sản xuất,... Điều này sẽ thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại các Ngân hàng trong nửa cuối năm 2024.
- Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và du lịch tiếp tục duy trì mức tăng cao với các chương trình xúc tiến, quảng bá được đẩy mạnh. Ngành du lịch và hàng không Việt Nam được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển.

Trước những khó khăn và thách thức, theo báo cáo Triển vọng phát triển Châu Á của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 là 6,0% trong năm 2024 – nằm trong top những nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực ASEAN.

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 6. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2024-2028

**Bà Nguyễn Thị Hoạt**  
Chủ tịch

Cử nhân Kế toán-kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam; Chứng chỉ Kế toán viên Công chứng (ACCA) của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc.

Bà Hoạt có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng và Kiểm toán. Bà Hoạt từng đảm nhận vị trí Giám đốc Công ty Bất động sản Huế, Trưởng ban kiểm soát Công ty Tài Chính Hóa Chất và nhiều vị trí cao cấp tại Vietbridge Capital, Công ty Chứng khoán Quốc Tế Hoàng Gia, KPMG và Khối Nguồn vốn Techcombank.

**Ông Đặng Thế Đức**  
Thành viên

Ông Đức có hơn 18 năm kinh nghiệm hành nghề luật kinh doanh tại Việt Nam, trong đó tập trung vào đầu tư trong nước, giao dịch doanh nghiệp, cổ phần tư nhân, M&A, chứng khoán, giao dịch thị trường vốn và tài trợ dự án. Ông Đức đã tư vấn cho một số quỹ đầu tư nước ngoài và địa phương lớn và nhà quản lý quỹ liên quan đến cơ cấu kinh doanh, các giao dịch M&A tại Việt Nam.

Ông Đức hiện là Giám đốc điều hành (Managing Partner) tại Công ty Tư vấn luật Indochine Counsel; nhà phân tích thường xuyên cho các tạp chí kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam (Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu đầu tư, Đầu tư chứng khoán).

**Ông Trần Việt Thỏa**  
Thành viên

Ông Thỏa có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, tài chính và đầu tư, trong đó có 9 năm kinh nghiệm với vai trò giám đốc kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Ông Thỏa hiện là Giám đốc tài chính (CFO) tại Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng.



Ông Phạm Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



**BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (Sau đây gọi là "Quỹ") tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Mạnh Cường*

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



Vũ Minh Hồng

VIỆT NAM  
S. G. P. I.  
QU  
T  
C  
C  
A  
U

80  
1  
HI  
Y  
VA  
10



Số tham chiếu: 12846443/E-67858077/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Nhà Đầu tư  
Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”) (“Quỹ”), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024 và được trình bày từ trang 16 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Y  
J  
J  
M  
CH

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quý giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quý mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom  
(Trước đây là "Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom")

B01g-QM

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>2.836.840.159</b>	<b>11.161.109.785</b>
02	1.1. Cổ tức được chia		668.850.000	-
03	1.2. Tiền lãi được nhận	5	2.057.807.828	2.807.188.985
04	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	6	5.934.765.886	(2.043.321.041)
05	1.4. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	(5.824.583.555)	10.397.241.841
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>511.139.644</b>	<b>6.843.943</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	8	511.139.644	6.843.943
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>9</b>	<b>1.410.130.342</b>	<b>785.707.632</b>
20.1	3.1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	9	778.804.251	308.587.276
20.2	3.2. Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	9	287.015.727	127.826.297
20.3	3.3. Giá dịch vụ giám sát	9	33.000.000	33.000.000
20.4	3.4. Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	9	99.000.000	99.000.000
20.5	3.5. Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng	9	79.200.000	79.200.000
20.7	3.6. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	9	-	-
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán	9	41.948.280	37.821.364
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	9	91.162.084	100.272.695
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>915.570.173</b>	<b>10.368.558.210</b>
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>915.570.173</b>	<b>10.368.558.210</b>
31	6.1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		6.740.153.728	(28.683.631)
32	6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(5.824.583.555)	10.397.241.841
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>		<b>915.570.173</b>	<b>10.368.558.210</b>

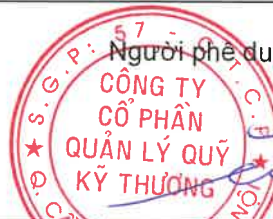
Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng  
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Tuấn Thành  
Tăng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

57  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

T. N. H. H.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B02g-QM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
	<b>I. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	25.037.584.894	10.569.081.820
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		22.153.528.219	5.442.597.697
	1.2. Tiền gửi cho hoạt động mua/mua lại chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư		2.884.056.675	126.484.123
112	1.3. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		-	5.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	154.726.482.578	73.314.112.353
121	2.1. Các khoản đầu tư		154.726.482.578	73.314.112.353
	2.1.1 Trái phiếu		61.508.932.578	32.736.847.353
	2.1.2 Cổ phiếu		83.217.550.000	40.577.265.000
	2.1.3 Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		10.000.000.000	-
130	3. Các khoản phải thu	12	2.850.993.441	844.392.284
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		879.275.000	-
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.971.718.441	844.392.284
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, trái tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.971.718.441	844.392.284
100	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>182.615.060.913</b>	<b>84.727.586.457</b>
	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		8.362.260.000	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ và Công ty quản lý quỹ		116.839.974	10.075.780
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15.468.704	1.654.627
316	4. Chi phí phải trả	13	98.962.275	83.134.800
317	5. Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ		2.877.505.900	123.321.770
318	6. Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ		5.550.775	2.162.353
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	14	225.291.200	182.901.945
300	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.701.878.828</b>	<b>403.251.275</b>
400	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>170.913.182.085</b>	<b>84.324.335.182</b>
411	1. Vốn góp của Nhà Đầu tư	15	122.756.937.700	62.371.273.700
412	1.1. Vốn góp phát hành		1.684.073.851.300	1.563.153.053.200
413	1.2. Vốn góp mua lại		(1.561.316.913.600)	(1.500.781.779.500)
414	2. Thặng dư/(Thâm hụt) vốn góp của Nhà Đầu tư		24.176.631.888	(1.110.980.842)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	23.979.612.497	23.064.042.324
430	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	17	<b>13.922,89</b>	<b>13.519,73</b>
440	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

CÔNG TY  
HÀNG  
LIÊN  
HỢP

LIÊN HỢP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

**VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	18	12.275.693,77	6.237.127,37

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng  
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B03g-QM

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ</b>	<b>84.324.335.182</b>	<b>40.613.012.289</b>
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ (II = II.1)</b>	<b>915.570.173</b>	<b>10.368.558.210</b>
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	915.570.173	10.368.558.210
III	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ (III = III.1 + III.2)</b>	<b>85.673.276.730</b>	<b>27.497.290.876</b>
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	171.196.423.890	49.211.481.191
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	(85.523.147.160)	(21.714.190.315)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ (= I + II + III)</b>	<b>170.913.182.085</b>	<b>78.478.861.375</b>

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng  
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B04g-QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	LOẠI TÀI SẢN		Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU</b>					
	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
1	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	175.300	46.000	8.063.800.000	4,42%
2	CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	94.700	70.100	6.638.470.000	3,64%
3	FPT	CTCP FPT	59.680	130.500	7.788.240.000	4,26%
4	GMD	CTCP Gemadept	90.000	83.000	7.470.000.000	4,09%
5	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	269.850	28.300	7.636.755.000	4,18%
6	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	277.800	22.200	6.167.160.000	3,38%
7	MSN	CTCP Tập đoàn Masan	170.200	74.700	12.713.940.000	6,96%
8	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	111.900	62.400	6.982.560.000	3,82%
9	PVD	Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	155.300	28.800	4.472.640.000	2,45%
10	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	361.000	20.800	7.508.800.000	4,11%
11	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	416.900	18.650	7.775.185.000	4,26%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.182.630</b>		<b>83.217.550.000</b>	<b>45,57%</b>
<b>II</b>	<b>TRÁI PHIẾU</b>					
	<b>Trái phiếu niêm yết</b>					
1	GEG121022	CTCP Điện Gia Lai	45.305	102.670,97	4.651.508.296	2,55%
2	MML121021	CTCP Masan Meatlife	148.800	92.005,34	13.690.394.592	7,50%
3	VHM121024	CTCP Vinhomes	15.729	100.734,83	1.584.458.141	0,87%
4	VHM121025	CTCP Vinhomes	50.000	100.577,34	5.028.867.000	2,75%
5	VIC121005	Tập đoàn Vingroup - CTCP	220.000	101.276,69	22.280.871.800	12,20%
6	VNG122002	CTCP Du lịch Thành Thành Công	54.000	96.210,04	5.195.342.160	2,84%
7	VRE12007	CTCP Vincom Retail	20.339	102.038,03	2.075.351.492	1,14%
	<b>Trái phiếu không niêm yết</b>					
8	MSN12201	Công ty cổ phần Tập đoàn Masan	70	100.030.558,53	7.002.139.097	3,83%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>554.243</b>		<b>61.508.932.578</b>	<b>33,68%</b>

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B04g-QM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>II</b>	<b>CÁC TÀI SẢN KHÁC</b>				
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư			879.275.000	0,48%
2	Dự thu lãi trái phiếu chưa đến ngày nhận			1.877.467.071	1,03%
3	Dự thu lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận			38.301.370	0,02%
4	Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận			55.950.000	0,03%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.850.993.441</b>	<b>1,56%</b>
<b>III</b>	<b>TIỀN</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			22.153.528.219	12,13%
2	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua/ mua lại Chứng chỉ Quỹ			2.884.056.675	1,58%
3	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			-	-
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			10.000.000.000	5,48%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>35.037.584.894</b>	<b>19,19%</b>
<b>IV</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>182.615.060.913</b>	<b>100%</b>

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng  
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phi Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B05g-QM

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		915.570.173	10.368.558.210
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		5.840.411.030	(10.389.771.593)
03	- Các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		5.824.583.555	(10.397.241.841)
04	- Chi phí trích trước		15.827.475	7.470.248
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		6.755.981.203	(21.213.383)
	Các thay đổi trong kỳ của các khoản phải thu, các khoản phải trả từ hoạt động đầu tư:			
20	- Tăng các khoản đầu tư		(87.236.953.780)	(26.303.458.911)
06	- Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(879.275.000)	-
07	- Tăng phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.127.326.157)	(856.495.589)
10	- Tăng phải trả cho người bán		8.362.260.000	-
11	- Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		106.764.194	3.384.043
13	- Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		13.814.077	1.312.609
14	- Tăng phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ		2.754.184.130	17.540.387
15	- Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ		3.388.422	(13.917.395)
16	- Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		-	-
17	- Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		42.389.255	33.758.950
19	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(71.204.773.656)</b>	<b>(27.139.089.289)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ mở	15	171.196.423.890	49.211.481.191
32	Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ mở	15	(85.523.147.160)	(21.714.190.315)
30	<b>Tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>85.673.276.730</b>	<b>27.497.290.876</b>
40	<b>III. Tăng tiền thuần trong kỳ</b>		<b>14.468.503.074</b>	<b>358.201.587</b>

C.  
TY  
AN  
QU  
ONG  
T.P.V

T  
H  
T  
P

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B05g-QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>10</b>	<b>10.569.081.820</b>	<b>9.203.601.827</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		10.569.081.820	9.203.601.827
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		5.445.760.050	5.182.648.827
53	- Tiền gửi cho hoạt động mua Chứng chỉ Quý của Nhà đầu tư		123.321.770	20.953.000
54	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		5.000.000.000	4.000.000.000
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>10</b>	<b>25.037.584.894</b>	<b>9.561.803.414</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		25.037.584.894	9.561.803.414
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		13.786.948.056	5.523.310.027
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua Chứng chỉ Quý của Nhà đầu tư		2.877.505.900	38.493.387
	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		-	4.000.000.000
59	- Tiền gửi phong tỏa mua các khoản đầu tư		8.373.130.938	-
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>14.468.503.074</b>	<b>358.201.587</b>

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng  
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Linh hoạt Techcom (“Quỹ”) được thành lập ngày 05 tháng 12 năm 2018 dưới hình thức quỹ mở. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 33/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 05 tháng 12 năm 2018. Ngày 05/10/2023, Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận điều chỉnh thành lập Quỹ số 361/GCN-UBCK, đổi tên thành Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (thay đổi thành Quỹ mở Cân bằng thay vì Quỹ mở Trái phiếu như trước đây). Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 122.756.937.700 VND, tương đương với 12.275.693,77 chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu Tư.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK ngày 30 tháng 1 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần (“TMCP”) Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 28, Tòa nhà C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 020703/23/UQ-CTHĐQT ngày 7 tháng 3 năm 2023.

#### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ, giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ** (tiếp theo)

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

**Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 122.756.937.700 VND, tương đương với 12.275.693,77 Chứng chỉ Quỹ.

**Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu Tư.

**Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**

*Ngày định giá*

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi về cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

*Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (2) chữ số thập phân.

**Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ**

Nhà Đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ Quỹ vào một trong các Ngày giao dịch. Ngày giao dịch là các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu (tần suất giao dịch hàng ngày). Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (2) lần trong một tháng.



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư

Hạn mức của Quỹ được quy định chi tiết tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ Quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản bao gồm công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ Quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ đó;

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.3 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành.

Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau :

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ điều chỉnh, và;
- Quỹ trong thời gian giải thể

Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh do bốn (4) nguyên nhân đầu quy định phía trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;

Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

## 2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam (“VND”).



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 3.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### 4.3 Các khoản đầu tư

*Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*”, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “*Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận*” trên báo cáo tình hình tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “*Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*” trên báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 hướng dẫn về việc hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

*Nguyên tắc định giá*

- ▶ Tiền: là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ: là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn: được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết

Giá thị trường là Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá xác định Theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ▶ Trái phiếu không niêm yết:

Giá yết (\*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá;

Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(\*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

57  
ÔNG  
Ổ PH  
N LÝ  
THƯ  
ẦY -

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

► **Cổ phiếu:**

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Mệnh giá; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- v. Cổ phần, phần vốn góp khác: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.

Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

C.  
TY  
ÂN  
QUỸ  
JNG  
I.P.H

TR  
EF  
W

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

- ▶ Chứng khoán phái sinh:
  - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
  - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần trở lên tính đến ngày định giá: Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Các tài sản khác:
  - ✓ Là các tài sản được phép đầu tư khác.
  - ✓ Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

*Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư*

Các khoản lãi/(lỗ) do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư 198 ban hành.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

##### 4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

##### 4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư**

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 VND.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai (2) sau dấu phẩy.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà Đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ Quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

*Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ Quỹ của các Nhà Đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư*

Thặng dư vốn góp thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

*Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối*

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

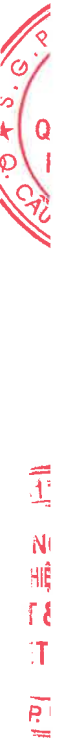
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối”.

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho Nhà Đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.8 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

#### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các công ty chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 4.9 *Chi phí và giá dịch vụ*

Các chi phí và giá dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quý phát sinh một số chi phí và giá dịch vụ chủ yếu như sau:

#### *Giá dịch vụ quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý tối đa là 1,5% giá trị tài sản ròng một năm (NAV/năm) và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt trong Đại hội hàng năm gần nhất. Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý sau khi Ban Đại diện Quý phê duyệt sẽ được Công ty Quản lý Quỹ công bố trên trang website. Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ quản lý dẫn đến giá dịch vụ vượt quá mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Giá dịch vụ quản lý trong năm báo cáo là 1,2% giá trị tài sản ròng một năm (NAV/năm) được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và được Công ty Quản lý Quỹ công bố trên trang website ngày 25 tháng 12 năm 2020.

#### *Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký*

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký phải trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quý. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% giá trị tài sản ròng một năm (NAV/năm) và thấp nhất là 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06% giá trị tài sản ròng một năm (NAV/năm) và thấp nhất là 20.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

5  
CÔ  
CÔ  
UẨN  
CỠ T  
GIẢ

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 4.9 Chi phí và giá dịch vụ (tiếp theo)

Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ:

<b>STT</b>	<b>Loại giá dịch vụ</b>	<b>Mức giá dịch vụ</b>	<b>Tối thiểu/tối đa</b>
1	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch, tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch
2	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch, tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch
3	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch	

*Giá dịch vụ quản trị Quỹ*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm (NAV/năm), tối thiểu 15.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

*Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn theo kỳ định giá và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được thống nhất với Đại lý chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật và có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng.

*Phí kiểm toán*

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

*Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ*

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

*Chi phí khác*

Các chi phí/giá dịch vụ khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin; chi phí cho các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư; chi phí các giao dịch tài sản Quỹ; thuế phí và các chi phí khác.



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà Đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà Đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho Nhà Đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

#### b. *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

TY  
ÂN  
QU  
ĐNG  
P H

H  
INI  
H

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 5. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
<b>Doanh thu tiền lãi đã nhận trong kỳ</b>	<b>142.039.387</b>	<b>1.326.600.768</b>
Lãi trái phiếu nhận được	14.414.578	1.023.697.344
Lãi tiền gửi ngân hàng nhận được	127.624.809	302.903.424
<b>Doanh thu dự thu tiền lãi phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.915.768.441</b>	<b>1.480.588.217</b>
Dự thu lãi trái phiếu	1.877.467.071	1.466.889.587
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	38.301.370	13.698.630
	<b>2.057.807.828</b>	<b>2.807.188.985</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là "Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom")

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Gia vốn bình quân gia quyền tính đến ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoản cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoản lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoản lũy kế đầu kỳ VND
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]	[4] = [3] + [5]
Trái phiếu niêm yết	20.139.675.286	19.256.865.688	882.809.598	(2.926.130.639)
Cổ phiếu niêm yết	239.842.180.000	234.790.223.712	5.051.956.288	(5.051.956.288)
	<b>259.981.855.286</b>	<b>254.047.089.400</b>	<b>5.934.765.886</b>	<b>(7.978.086.927)</b>

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023:

	Gia vốn bình quân gia quyền tính đến ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoản cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoản lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoản lũy kế đầu kỳ VND
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]	[4] = [3] + [5]
Trái phiếu niêm yết	28.539.290.129	30.582.611.170	(2.043.321.041)	4.267.180
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	(15.827.009)
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	(1.240.687)
	<b>28.539.290.129</b>	<b>30.582.611.170</b>	<b>(2.043.321.041)</b>	<b>(12.800.516)</b>
				<b>2.047.588.221</b>
				<b>(15.827.009)</b>
				<b>(1.240.687)</b>
				<b>2.030.520.525</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CHÉNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
	[1]	[2]	[3] = [2] - [1]	[4]	[5] = [3] - [4]
Trái phiếu niêm yết	55.198.219.412	54.506.793.481	(691.425.931)	1.623.321.336	(2.314.747.267)
Trái phiếu không niêm yết	7.002.139.097	7.002.139.097	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	84.226.680.545	83.217.550.000	(1.009.130.545)	2.500.705.743	(3.509.836.288)
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
	<b>156.427.039.054</b>	<b>154.726.482.578</b>	<b>(1.700.556.476)</b>	<b>4.124.027.079</b>	<b>(5.824.583.555)</b>

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023:

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	[1]	[2]	[3] = [2] - [1]	[4]	[5] = [3] - [4]
Trái phiếu niêm yết	61.024.560.965	64.049.187.520	3.024.626.555	(7.372.615.286)	10.397.241.841
Trái phiếu chưa niêm yết	3.438.007.890	3.438.007.890	-	-	-
	<b>64.462.568.855</b>	<b>67.487.195.410</b>	<b>3.024.626.555</b>	<b>(7.372.615.286)</b>	<b>10.397.241.841</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
	VND	VND
Phí môi giới	511.139.644	6.843.943
	<b>511.139.644</b>	<b>6.843.943</b>

**9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
	VND	VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	778.804.251	308.587.276
Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	287.015.727	127.826.297
- <i>Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở - Tính trên giá trị tài sản ròng</i>	120.000.000	120.000.000
- <i>Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở - Phí Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam</i>	6.458.941	464.152
- <i>Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ</i>	160.556.786	7.362.145
Giá dịch vụ giám sát	33.000.000	33.000.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	99.000.000	99.000.000
Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	79.200.000	79.200.000
Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	-	-
Chi phí kiểm toán	41.948.280	37.821.364
Chi phí hoạt động khác	91.162.084	100.272.695
- <i>Phí quản lý thường niên trả cho UBCKNN</i>	-	4.958.884
- <i>Phí ngân hàng</i>	1.162.084	5.313.811
- <i>Thù lao Ban Đại diện Quỹ</i>	90.000.000	90.000.000
	<b>1.410.130.342</b>	<b>785.707.632</b>

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	22.153.528.219	5.442.597.697
Tiền gửi cho hoạt động mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư	2.877.505.900	123.321.770
Tiền gửi cho hoạt động mua lại CCQ của Quỹ	6.550.775	3.162.353
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	5.000.000.000
	<b>25.037.584.894</b>	<b>10.569.081.820</b>

57  
CÔNG  
ÔNG  
N L  
THI  
ẤY -

TR  
EI

## Quý Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

B06g-QM

(Trước đây là “Quý Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Trái phiếu niêm yết	55.198.219.412	54.506.793.481	434.993.570	(1.126.419.501)	54.506.793.481
2	Trái phiếu chưa niêm yết	7.002.139.097	7.002.139.097	-	-	7.002.139.097
3	Cổ phiếu niêm yết	84.226.680.545	83.217.550.000	1.584.963.207	(2.594.093.752)	83.217.550.000
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
		<b>156.427.039.054</b>	<b>154.726.482.578</b>	<b>2.019.956.777</b>	<b>(3.720.513.253)</b>	<b>154.726.482.578</b>

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Trái phiếu niêm yết	31.113.526.017	32.736.847.353	1.623.321.336	-	32.736.847.353
2	Trái phiếu chưa niêm yết	38.076.559.257	40.577.265.000	2.587.455.743	(86.750.000)	40.577.265.000
		<b>69.190.085.274</b>	<b>73.314.112.353</b>	<b>4.210.777.079</b>	<b>(86.750.000)</b>	<b>73.314.112.353</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dự thu lãi trái phiếu	1.877.467.071	840.844.339
Phải thu bán cổ phiếu	879.275.000	-
Dự thu cổ tức	55.950.000	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	38.301.370	3.547.945
	<b>2.850.993.441</b>	<b>844.392.284</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	45.000.000	45.000.000
Phải trả phí kiểm toán	41.948.280	38.134.800
Chi phí môi giới chứng khoán phải trả	9.241.535	-
Phải trả giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ	2.772.460	-
	<b>98.962.275</b>	<b>83.134.800</b>

**14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	168.735.404	84.556.157
Phải trả giá dịch vụ lưu ký Quỹ mở	20.000.000	40.000.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát Quỹ mở	5.500.000	11.000.000
Phải trả giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	16.500.000	33.000.000
Phải trả giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả giá dịch vụ lưu ký thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	1.355.796	1.145.788
	<b>225.291.200</b>	<b>182.901.945</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Biến động vốn góp của Nhà Đầu tư cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

	Đơn vị	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	156.315.305,32	12.092.079,81	168.407.385,13
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	1.563.153.053.200	120.920.798.100	1.684.073.851.300
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	146.450.822.783	50.275.625.790	196.726.448.573
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)	VND	1.709.603.875.983	171.196.423.890	1.880.800.299.873
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(150.078.177,95)	(6.053.513,41)	(156.131.691,36)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(1.500.781.779.500)	(60.535.134.100)	(1.561.316.913.600)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(147.561.803.625)	(24.988.013.060)	(172.549.816.685)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(1.648.343.583.125)	(85.523.147.160)	(1.733.866.730.285)
<b>Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành (9) = (1) + (5)</b>	<b>CCQ</b>	<b>6.237.127,37</b>	<b>6.038.566,40</b>	<b>12.275.693,77</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành (10) = (4) + (8)</b>	<b>VND</b>	<b>61.260.292.858</b>	<b>85.673.276.730</b>	<b>146.933.569.588</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (11)</b>	<b>VND</b>	<b>23.064.042.324</b>	<b>915.570.173</b>	<b>23.979.612.497</b>
<b>NAV hiện hành (12) = (10) + (11)</b>	<b>VND</b>	<b>84.324.335.182</b>	<b>86.588.846.903</b>	<b>170.913.182.085</b>
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ Quỹ</b>				
<b>(13) = (12) / (9)</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>13.519,73</b>		<b>13.922,89</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là "Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom")

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

Biến động vốn góp của Nhà Đầu tư cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

	Đơn vị	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	150.402.452,95	4.262.555,78	154.665.008,73
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	1.504.024.529.500	42.625.557.800	1.546.650.087.300
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	134.928.611.548	6.585.923.391	141.514.534.939
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)	VND	1.638.953.141.048	49.211.481.191	1.688.164.622.239
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(146.626.382,20)	(1.897.977,77)	(148.524.359,97)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(1.466.263.822.000)	(18.979.777.700)	(1.485.243.599.700)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(140.190.133.515)	(2.734.412.615)	(142.924.546.130)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(1.606.453.955.515)	(21.714.190.315)	(1.628.168.145.830)
<b>Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành (9) = (1) + (5)</b>	<b>CCQ</b>	<b>3.776.070,75</b>	<b>2.364.578,01</b>	<b>6.140.648,76</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành (10) = (4) + (8)</b>	<b>VND</b>	<b>32.499.185.533</b>	<b>27.497.290.876</b>	<b>59.996.476.409</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (11)</b>	<b>VND</b>	<b>8.113.826.756</b>	<b>10.368.558.210</b>	<b>18.482.384.966</b>
<b>NAV hiện hành (12) = (10) + (11)</b>	<b>VND</b>	<b>40.613.012.289</b>		<b>78.478.861.375</b>
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ Quỹ (13) = (12) / (9)</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>10.755,36</b>		<b>12.780,22</b>

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	23.064.042.324	8.113.826.756
Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	915.570.173	14.950.215.568
- Lợi nhuận đã thực hiện	6.740.153.728	3.453.573.203
- Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối cuối kỳ	(5.824.583.555)	11.496.642.365
	<b>23.979.612.497</b>	<b>23.064.042.324</b>

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
1	31/12/2023	84.324.335.182	6.237.127,37	13.519,73	48,10
2	01/01/2024	84.330.872.513	6.237.127,37	13.520,78	1,05
3	02/01/2024	84.104.611.570	6.242.222,26	13.473,50	(47,28)
4	03/01/2024	84.707.792.473	6.256.505,55	13.539,15	65,65
5	04/01/2024	85.375.905.119	6.262.563,70	13.632,74	93,59
6	07/01/2024	85.728.216.477	6.265.228,69	13.683,17	50,43
7	08/01/2024	85.775.000.831	6.265.482,70	13.690,08	6,91
8	09/01/2024	86.121.249.417	6.310.193,37	13.647,95	(42,13)
9	10/01/2024	85.768.303.256	6.328.674,47	13.552,33	(95,62)
10	11/01/2024	86.565.923.971	6.341.455,15	13.650,79	98,46
11	14/01/2024	86.525.983.250	6.356.651,13	13.611,88	(38,91)
12	15/01/2024	86.217.356.769	6.366.294,17	13.542,78	(69,10)
13	16/01/2024	86.731.423.154	6.361.855,38	13.633,03	90,25
14	17/01/2024	86.741.685.168	6.365.561,34	13.626,71	(6,32)
15	18/01/2024	86.732.806.347	6.385.624,46	13.582,50	(44,21)
16	21/01/2024	86.900.225.985	6.389.126,69	13.601,26	18,76
17	22/01/2024	88.025.800.346	6.407.336,35	13.738,28	137,02
18	23/01/2024	88.138.913.561	6.419.426,82	13.730,02	(8,26)
19	24/01/2024	88.034.682.792	6.435.979,82	13.678,52	(51,50)
20	25/01/2024	88.536.780.947	6.451.556,13	13.723,32	44,80
21	28/01/2024	89.320.398.230	6.490.415,55	13.761,89	38,57
22	29/01/2024	89.535.126.850	6.513.612,84	13.745,84	(16,05)
23	30/01/2024	91.954.801.523	6.654.433,95	13.818,57	72,73
24	31/01/2024	92.012.559.851	6.667.982,06	13.799,16	(19,41)
25	01/02/2024	96.566.156.178	6.956.946,04	13.880,53	81,37
26	04/02/2024	98.536.255.482	7.079.229,16	13.919,06	38,53
27	05/02/2024	100.047.682.779	7.143.163,93	14.006,07	87,01
28	06/02/2024	95.460.018.170	6.804.405,07	14.029,14	23,07
29	11/02/2024	97.073.547.708	6.912.974,93	14.042,22	13,08
30	14/02/2024	97.091.427.695	6.912.974,93	14.044,81	2,59
31	15/02/2024	98.249.406.650	6.987.296,90	14.061,14	16,33
32	18/02/2024	99.331.673.732	7.073.790,26	14.042,21	(18,93)
33	19/02/2024	102.718.762.294	7.305.894,02	14.059,71	17,50
34	20/02/2024	104.131.195.488	7.407.479,17	14.057,57	(2,14)
35	21/02/2024	105.553.873.539	7.484.967,43	14.102,11	44,54
36	22/02/2024	106.068.100.171	7.554.808,45	14.039,81	(62,30)

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
37	25/02/2024	105.185.995.670	7.554.377,16	13.923,84	(115,97)
38	26/02/2024	106.400.142.820	7.601.406,83	13.997,42	73,58
39	27/02/2024	107.914.476.517	7.649.215,97	14.107,91	110,49
40	28/02/2024	108.580.672.270	7.674.858,64	14.147,57	39,66
41	29/02/2024	109.693.002.934	7.719.166,03	14.210,47	62,90
42	03/03/2024	110.836.615.272	7.776.465,40	14.252,82	42,35
43	04/03/2024	112.490.166.843	7.866.376,49	14.300,12	47,30
44	05/03/2024	114.698.229.320	7.941.591,39	14.442,72	142,60
45	06/03/2024	113.503.979.417	7.914.376,41	14.341,49	(101,23)
46	07/03/2024	114.652.811.674	7.969.124,89	14.387,12	45,63
47	10/03/2024	114.019.982.748	8.031.082,67	14.197,33	(189,79)
48	11/03/2024	120.976.754.447	8.568.314,94	14.119,08	(78,25)
49	12/03/2024	123.597.471.650	8.723.702,50	14.168,00	48,92
50	13/03/2024	128.392.250.247	8.901.101,60	14.424,31	256,31
51	14/03/2024	129.897.307.615	9.028.591,67	14.387,32	(36,99)
52	17/03/2024	129.691.214.820	9.033.905,94	14.356,05	(31,27)
53	18/03/2024	128.813.882.895	9.134.642,81	14.101,68	(254,37)
54	19/03/2024	129.004.910.180	9.204.154,12	14.015,94	(85,74)
55	20/03/2024	134.566.900.045	9.466.103,27	14.215,65	199,71
56	21/03/2024	135.455.611.613	9.467.681,91	14.307,15	91,50
57	24/03/2024	135.388.341.167	9.475.586,42	14.288,12	(19,03)
58	25/03/2024	135.102.000.127	9.535.103,40	14.168,90	(119,22)
59	26/03/2024	140.935.243.858	9.860.438,05	14.293,00	124,10
60	27/03/2024	142.301.713.395	9.888.287,86	14.390,93	97,93
61	28/03/2024	149.416.862.045	10.347.655,02	14.439,68	48,75
62	31/03/2024	149.154.428.229	10.393.534,42	14.350,69	(88,99)
63	01/04/2024	149.487.090.796	10.436.629,10	14.323,31	(27,38)
64	02/04/2024	152.100.371.638	10.526.246,45	14.449,63	126,32
65	03/04/2024	144.805.818.860	10.186.572,43	14.215,36	(234,27)
66	04/04/2024	145.232.754.021	10.207.906,50	14.227,47	12,11
67	07/04/2024	144.089.677.341	10.227.305,46	14.088,72	(138,75)
68	08/04/2024	147.075.003.230	10.486.174,20	14.025,61	(63,11)
69	09/04/2024	148.669.154.270	10.521.136,86	14.130,52	104,91
70	10/04/2024	148.434.242.493	10.534.342,77	14.090,50	(40,02)
71	11/04/2024	149.974.044.414	10.615.495,73	14.127,84	37,34
72	14/04/2024	142.185.810.179	9.948.817,36	14.291,72	163,88
73	15/04/2024	143.829.000.891	10.347.980,12	13.899,23	(392,49)
74	16/04/2024	144.591.335.928	10.418.014,23	13.878,97	(20,26)
75	18/04/2024	144.265.456.596	10.475.905,54	13.771,16	(107,81)
76	21/04/2024	145.223.923.591	10.659.589,76	13.623,78	(147,38)
77	22/04/2024	146.172.140.439	10.672.715,93	13.695,87	72,09
78	23/04/2024	147.161.367.347	10.775.374,67	13.657,19	(38,68)
79	24/04/2024	149.746.267.926	10.821.428,82	13.837,93	180,74
80	25/04/2024	151.123.285.264	10.905.884,36	13.857,04	19,11
81	28/04/2024	152.088.973.769	10.949.261,48	13.890,34	33,30
82	30/04/2024	152.085.511.036	10.949.261,48	13.890,02	(0,32)
83	01/05/2024	152.084.677.589	10.949.261,48	13.889,94	(0,08)
84	02/05/2024	142.413.724.393	10.242.498,98	13.904,19	14,25
85	05/05/2024	144.106.748.824	10.350.719,25	13.922,38	18,19
86	06/05/2024	145.459.409.893	10.385.666,53	14.005,78	83,40

G T Y  
 H A N  
 Y Q  
 U O N  
 T P  
 T H Y  
 J U  
 J U  
 M  
 C

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài	
				sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
87	07/05/2024	148.349.436.599	10.544.368,63	14.069,06	63,28
88	08/05/2024	147.974.713.302	10.512.071,99	14.076,64	7,58
89	09/05/2024	149.939.946.347	10.650.222,27	14.078,57	1,93
90	12/05/2024	140.869.877.666	10.005.063,49	14.079,85	1,28
91	13/05/2024	139.843.927.174	9.947.684,35	14.057,93	(21,92)
92	14/05/2024	142.613.246.392	10.087.414,78	14.137,73	79,80
93	15/05/2024	143.829.973.711	10.117.388,27	14.216,11	78,38
94	16/05/2024	144.226.296.097	10.107.243,94	14.269,59	53,48
95	19/05/2024	147.690.715.733	10.332.610,34	14.293,64	24,05
96	20/05/2024	148.206.636.489	10.371.679,88	14.289,54	(4,10)
97	21/05/2024	149.284.084.782	10.408.646,44	14.342,31	52,77
98	22/05/2024	150.144.585.986	10.447.574,71	14.371,23	28,92
99	23/05/2024	152.126.491.377	10.527.591,10	14.450,26	79,03
100	26/05/2024	151.735.825.637	10.657.982,49	14.236,82	(213,44)
101	27/05/2024	153.154.280.446	10.724.144,30	14.281,25	44,43
102	28/05/2024	154.620.612.828	10.765.750,36	14.362,26	81,01
103	29/05/2024	157.466.933.341	11.033.543,39	14.271,65	(90,61)
104	30/05/2024	159.737.048.770	11.175.876,02	14.293,02	21,37
105	31/05/2024	159.829.619.410	11.186.440,27	14.287,79	(5,23)
106	02/06/2024	159.845.219.206	11.186.440,27	14.289,19	1,40
107	03/06/2024	162.150.861.203	11.271.706,05	14.385,65	96,46
108	04/06/2024	162.231.242.582	11.281.346,03	14.380,48	(5,17)
109	05/06/2024	162.623.582.186	11.311.529,93	14.376,79	(3,69)
110	06/06/2024	163.383.439.376	11.373.123,41	14.365,74	(11,05)
111	09/06/2024	169.082.083.013	11.802.727,52	14.325,67	(40,07)
112	10/06/2024	170.866.534.423	11.927.066,38	14.325,94	0,27
113	11/06/2024	171.426.391.397	11.990.266,31	14.297,12	(28,82)
114	12/06/2024	175.766.814.072	12.122.222,21	14.499,55	202,43
115	13/06/2024	175.924.092.700	12.153.357,29	14.475,34	(24,21)
116	16/06/2024	178.229.257.724	12.432.844,29	14.335,35	(139,99)
117	17/06/2024	177.296.126.856	12.438.624,64	14.253,67	(81,68)
118	18/06/2024	177.142.214.764	12.412.098,11	14.271,73	18,06
119	19/06/2024	174.699.538.933	12.175.340,42	14.348,63	76,90
120	20/06/2024	175.784.169.130	12.230.564,25	14.372,53	23,90
121	23/06/2024	176.676.336.692	12.266.256,32	14.403,44	30,91
122	24/06/2024	174.270.659.593	12.330.328,94	14.133,49	(269,95)
123	25/06/2024	172.969.518.834	12.309.619,88	14.051,57	(81,92)
124	26/06/2024	173.324.176.440	12.318.904,72	14.069,77	18,20
125	27/06/2024	171.783.129.959	12.190.325,89	14.091,75	21,98
126	30/06/2024	170.913.182.085	12.275.693,77	13.922,89	(168,86)



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
1	31/12/2022	40.613.012.289	3.776.070,75	10.755,36	11,64
2	01/01/2023	40.620.686.519	3.776.070,75	10.757,39	2,03
3	02/01/2023	40.628.360.436	3.776.070,75	10.759,42	2,03
4	03/01/2023	40.487.182.834	3.766.350,22	10.749,71	(9,71)
5	04/01/2023	38.984.202.737	3.626.317,43	10.750,35	0,64
6	05/01/2023	38.985.244.766	3.625.882,71	10.751,93	1,58
7	08/01/2023	38.668.783.201	3.598.738,39	10.745,09	(6,84)
8	09/01/2023	38.744.254.293	3.600.074,35	10.762,07	16,98
9	10/01/2023	38.605.215.466	3.587.400,89	10.761,33	(0,74)
10	11/01/2023	38.579.944.320	3.585.302,43	10.760,58	(0,75)
11	12/01/2023	38.145.437.387	3.520.157,36	10.836,28	75,70
12	15/01/2023	38.869.727.288	3.516.639,47	11.053,08	216,80
13	16/01/2023	38.835.961.011	3.510.389,75	11.063,14	10,06
14	17/01/2023	38.730.748.604	3.502.452,36	11.058,17	(4,97)
15	18/01/2023	38.525.884.029	3.481.072,69	11.067,24	9,07
16	22/01/2023	38.576.720.060	3.481.530,55	11.080,39	13,15
17	26/01/2023	38.607.745.512	3.481.530,55	11.089,30	8,91
18	29/01/2023	38.657.293.216	3.485.864,04	11.089,73	0,43
19	30/01/2023	38.478.574.604	3.471.550,19	11.083,97	(5,76)
20	31/01/2023	37.942.596.811	3.384.780,15	11.209,76	125,79
21	01/02/2023	38.153.369.318	3.403.447,23	11.210,21	0,45
22	02/02/2023	37.955.023.467	3.384.568,35	11.214,14	3,93
23	05/02/2023	38.003.794.935	3.387.042,14	11.220,34	6,20
24	06/02/2023	38.057.628.601	3.388.513,89	11.231,36	11,02
25	07/02/2023	37.896.614.262	3.374.658,85	11.229,76	(1,60)
26	08/02/2023	37.928.628.977	3.378.342,61	11.226,99	(2,77)
27	09/02/2023	39.064.572.047	3.470.549,80	11.256,01	29,02
28	12/02/2023	39.086.148.726	3.471.282,62	11.259,85	3,84
29	13/02/2023	38.892.312.039	3.473.055,78	11.198,29	(61,56)
30	14/02/2023	39.384.259.004	3.513.224,69	11.210,28	11,99
31	15/02/2023	39.750.155.884	3.546.228,85	11.209,13	(1,15)
32	16/02/2023	39.699.469.369	3.544.246,40	11.201,10	(8,03)
33	19/02/2023	40.168.421.801	3.583.097,47	11.210,53	9,43
34	20/02/2023	40.262.175.485	3.590.637,88	11.213,09	2,56
35	21/02/2023	40.106.081.253	3.580.072,21	11.202,59	(10,50)
36	22/02/2023	39.683.361.664	3.559.865,18	11.147,43	(55,16)
37	23/02/2023	39.708.946.782	3.558.930,25	11.157,55	10,12
38	26/02/2023	39.697.616.366	3.558.550,97	11.155,55	(2,00)
39	27/02/2023	37.277.374.673	3.338.564,86	11.165,68	10,13
40	28/02/2023	37.238.048.190	3.339.058,46	11.152,26	(13,42)
41	01/03/2023	37.038.786.094	3.319.578,09	11.157,67	5,41
42	02/03/2023	37.037.685.499	3.318.559,31	11.160,77	3,10
43	05/03/2023	36.971.916.640	3.316.527,47	11.147,77	(13,00)
44	06/03/2023	36.951.025.405	3.315.455,92	11.145,08	(2,69)
45	07/03/2023	36.730.546.734	3.298.778,67	11.134,58	(10,50)
46	08/03/2023	36.703.181.659	3.287.735,61	11.163,66	29,08
47	09/03/2023	36.715.475.430	3.288.326,79	11.165,39	1,73
48	12/03/2023	36.675.664.121	3.282.386,74	11.173,47	8,08
49	13/03/2023	36.583.801.472	3.273.596,80	11.175,41	1,94
50	14/03/2023	36.576.788.173	3.270.609,15	11.183,47	8,06

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
51	15/03/2023	36.269.543.534	3.266.857,82	11.102,27	(81,20)
52	16/03/2023	37.369.600.434	3.338.723,77	11.192,77	90,50
53	19/03/2023	36.989.679.371	3.338.877,90	11.078,47	(114,30)
54	20/03/2023	36.865.545.757	3.328.114,00	11.077,00	(1,47)
55	21/03/2023	36.844.979.760	3.327.867,64	11.071,64	(5,36)
56	22/03/2023	36.894.710.169	3.326.999,62	11.089,48	17,84
57	23/03/2023	36.833.945.888	3.324.877,02	11.078,28	(11,20)
58	26/03/2023	36.835.050.048	3.324.833,84	11.078,76	0,48
59	27/03/2023	36.687.676.800	3.308.268,45	11.089,69	10,93
60	28/03/2023	35.694.943.696	3.217.776,39	11.093,04	3,35
61	29/03/2023	35.624.909.798	3.211.450,90	11.093,08	0,04
62	30/03/2023	35.610.683.035	3.209.945,32	11.093,85	0,77
63	31/03/2023	35.995.620.019	3.209.663,36	11.214,78	120,93
64	02/04/2023	36.007.864.655	3.209.663,36	11.218,55	3,77
65	03/04/2023	35.392.176.276	3.209.699,20	11.026,63	(191,92)
66	04/04/2023	35.287.192.141	3.198.484,77	11.032,47	5,84
67	05/04/2023	35.470.477.812	3.197.151,82	11.094,39	61,92
68	06/04/2023	36.023.221.463	3.194.729,23	11.275,82	181,43
69	09/04/2023	36.079.396.316	3.193.872,49	11.296,44	20,62
70	10/04/2023	36.096.501.293	3.194.117,26	11.300,93	4,49
71	11/04/2023	35.746.738.596	3.164.404,18	11.296,51	(4,42)
72	12/04/2023	39.738.581.954	3.518.384,57	11.294,55	(1,96)
73	13/04/2023	42.915.559.195	3.784.665,76	11.339,32	44,77
74	16/04/2023	47.017.184.508	4.137.769,78	11.362,92	23,60
75	17/04/2023	49.473.090.037	4.350.032,07	11.373,04	10,12
76	18/04/2023	53.948.529.772	4.738.410,60	11.385,36	12,32
77	19/04/2023	57.871.724.681	5.045.684,47	11.469,54	84,18
78	20/04/2023	61.704.807.507	5.394.606,06	11.438,24	(31,30)
79	23/04/2023	71.459.285.017	6.160.302,48	11.599,96	161,72
80	24/04/2023	70.929.307.007	6.182.326,98	11.472,91	(127,05)
81	25/04/2023	71.665.600.048	6.181.263,62	11.594,00	121,09
82	26/04/2023	70.121.872.471	6.023.828,30	11.640,74	46,74
83	27/04/2023	68.437.422.083	5.892.638,92	11.614,05	(26,69)
84	30/04/2023	68.432.067.423	5.885.005,27	11.628,20	14,15
85	03/05/2023	68.479.923.280	5.885.005,27	11.636,34	8,14
86	04/05/2023	67.472.834.724	5.784.725,64	11.663,96	27,62
87	07/05/2023	67.696.375.550	5.797.238,62	11.677,34	13,38
88	08/05/2023	67.551.200.942	5.782.873,80	11.681,25	3,91
89	09/05/2023	68.142.902.166	5.784.905,92	11.779,43	98,18
90	10/05/2023	68.105.992.338	5.775.143,39	11.792,95	13,52
91	11/05/2023	68.651.077.501	5.777.364,41	11.882,76	89,81
92	14/05/2023	68.786.579.260	5.782.033,90	11.896,60	13,84
93	15/05/2023	68.778.790.231	5.789.239,77	11.880,45	(16,15)
94	16/05/2023	69.059.617.435	5.785.673,79	11.936,31	55,86
95	17/05/2023	68.770.857.669	5.791.253,15	11.874,95	(61,36)
96	18/05/2023	68.782.788.687	5.789.277,59	11.881,06	6,11
97	21/05/2023	69.128.171.967	5.795.458,73	11.927,98	46,92
98	22/05/2023	69.034.197.469	5.793.914,35	11.914,94	(13,04)
99	23/05/2023	68.893.776.416	5.796.939,52	11.884,50	(30,44)



# Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	Giá trị tài	Tăng/(giảm) giá
				sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
100	24/05/2023	69.534.336.328	5.836.261,04	11.914,19	29,69
101	25/05/2023	69.673.076.454	5.836.825,36	11.936,81	22,62
102	28/05/2023	69.797.716.287	5.831.169,25	11.969,76	32,95
103	29/05/2023	69.751.052.570	5.832.969,11	11.958,06	(11,70)
104	30/05/2023	70.000.578.452	5.838.773,01	11.988,91	30,85
105	31/05/2023	70.157.001.093	5.824.763,73	12.044,60	55,69
106	01/06/2023	70.998.216.133	5.826.748,18	12.184,87	140,27
107	04/06/2023	73.411.274.190	5.838.322,29	12.574,03	389,16
108	05/06/2023	75.199.104.253	5.951.156,61	12.636,04	62,01
109	06/06/2023	75.034.314.460	5.927.231,97	12.659,25	23,21
110	07/06/2023	74.880.320.059	5.924.556,83	12.638,97	(20,28)
111	08/06/2023	75.255.068.173	5.955.622,78	12.635,96	(3,01)
112	11/06/2023	75.388.984.480	5.961.168,37	12.646,67	10,71
113	12/06/2023	75.938.074.812	5.979.884,89	12.698,91	52,24
114	13/06/2023	75.792.294.551	5.969.517,89	12.696,55	(2,36)
115	14/06/2023	75.674.003.100	5.965.759,83	12.684,72	(11,83)
116	15/06/2023	75.469.061.390	5.949.093,15	12.685,80	1,08
117	18/06/2023	75.542.384.219	5.950.376,53	12.695,39	9,59
118	19/06/2023	75.747.922.715	5.952.166,95	12.726,10	30,71
119	20/06/2023	75.747.896.172	6.048.241,80	12.523,95	(202,15)
120	21/06/2023	76.467.760.734	6.088.117,72	12.560,16	36,21
121	22/06/2023	77.069.202.761	6.093.894,12	12.646,95	86,79
122	25/06/2023	77.322.291.648	6.095.203,74	12.685,75	38,80
123	26/06/2023	77.840.286.495	6.106.010,35	12.748,14	62,39
124	27/06/2023	78.286.394.482	6.143.778,16	12.742,38	(5,76)
125	28/06/2023	78.722.737.790	6.149.467,66	12.801,55	59,17
126	29/06/2023	78.637.380.934	6.151.189,57	12.784,09	(17,46)
127	30/06/2023	78.478.861.375	6.140.648,76	12.780,22	(3,87)

Cho giai đoạn tài chính  
sáu tháng kết thúc ngày 30  
tháng 6 năm 2024

Cho giai đoạn tài chính  
sáu tháng kết thúc ngày 30  
tháng 6 năm 2023

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	130.502.861.658	51.851.128.887
Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ		
▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND)	392,49	389,16
▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	0,08	0,04
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm		
▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND)	14.499,55	12.801,55
▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	13.473,50	10.745,09

7 -  
NG T  
PHÂN  
LÝ Q  
HƯƠN  
- T.P

M.S



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Chứng chỉ Quỹ	Chứng chỉ Quỹ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	12.275.693,77	6.237.127,37

### 19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

#### 19.1. Giao dịch trọng yếu và hợp đồng then chốt với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và hợp đồng then chốt với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho giai đoạn	Cho giai đoạn
			tài chính 6	tài chính 6
			tháng đến ngày	tháng đến ngày
			30 tháng 6 năm	30 tháng 6 năm
			2024	2023
			VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý Quỹ	778.804.251	308.587.276
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	Phí dịch vụ môi giới	1.487.567	-
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	90.000.000	90.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Lãi tiền gửi tài khoản hoạt động	25.876.862	-
		Giá ngân hàng	1.162.084	5.313.811
		Giá dịch vụ lưu ký	120.000.000	120.000.000
		Giá dịch vụ giám sát	33.000.000	33.000.000
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	99.000.000
		Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ	160.556.786	7.362.145

**Quý Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quý Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**

**19.2. Số dư trọng yếu với các bên liên quan**

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ	84.556.157	778.804.251	(694.625.004)	168.735.404
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	45.000.000	90.000.000	(90.000.000)	45.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi ngân hàng Giá dịch vụ lưu ký phải trả Giá dịch vụ giám sát phải trả Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ	5.569.081.820	1.047.034.678.013	(1.027.566.174.939)	25.037.584.894
			40.000.000	120.000.000	(140.000.000)	20.000.000
			11.000.000	33.000.000	(38.500.000)	5.500.000
			33.000.000	99.000.000	(115.500.000)	16.500.000
			-	160.556.786	(157.784.326)	2.772.460

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom

(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có các khoản đầu tư vào trái phiếu có kế hoạch đăng ký niêm yết, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quý. Nợ phải trả tài chính của Quý chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà Đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quý không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quý liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quý để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quý xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quý có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính.

#### *Rủi ro tiền tệ*

Quý không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 do Quý không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

#### *Rủi ro về giá trái phiếu*

Các trái phiếu do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quý xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quý là 54.506.793.481 đồng Việt Nam. Nếu giá của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm xuống 5.450.679.348 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng lên 5.450.679.348 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (tiếp theo)***

***Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết***

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 7.002.139.097 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 700.213.910 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 700.213.910 đồng Việt Nam.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với phần vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến các chứng khoán của thu nhập cố định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi. Công ty Quản lý quỹ đánh giá rủi ro tín dụng của Quỹ là không trọng yếu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đang có kế hoạch niêm yết.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

## Quý Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (Trước đây là “Quý Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả tài chính của Quý dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>						
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	25.037.584.894	-	-	-	-	25.037.584.894
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý	25.037.584.894	-	-	-	-	25.037.584.894
Các khoản đầu tư thuần	83.217.550.000	-	21.431.308.597	50.077.623.981	-	154.726.482.578
- Trái phiếu	-	-	11.431.308.597	50.077.623.981	-	61.508.932.578
- Cổ phiếu	83.217.550.000	-	-	-	-	83.217.550.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu	-	1.357.237.649	1.493.755.792	-	-	2.850.993.441
- Phải thu về bán các khoản đầu tư	-	879.275.000	-	-	-	879.275.000
- Dự thu tiền lãi – Tiền gửi có kỳ hạn	-	38.301.370	-	-	-	38.301.370
- Dự thu tiền lãi – Trái phiếu doanh nghiệp	-	383.711.279	1.493.755.792	-	-	1.877.467.071
- Dự thu cổ tức – Cổ phiếu phổ thông	-	55.950.000	-	-	-	55.950.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.255.134.894</b>	<b>1.357.237.649</b>	<b>22.925.064.389</b>	<b>50.077.623.981</b>	<b>-</b>	<b>182.615.060.913</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	8.362.260.000	-	-	-	8.362.260.000
Phải trả phí cho Công ty quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ	-	116.839.974	-	-	-	116.839.974
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	15.468.704	-	-	-	15.468.704
Chi phí phải trả	-	98.962.275	-	-	-	98.962.275
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ	-	2.877.505.900	-	-	-	2.877.505.900
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ	-	5.550.775	-	-	-	5.550.775
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	225.291.200	-	-	-	225.291.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.701.878.828</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.701.878.828</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>108.255.134.894</b>	<b>(10.344.641.179)</b>	<b>22.925.064.389</b>	<b>50.077.623.981</b>	<b>-</b>	<b>170.913.182.085</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom**  
(Trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT**

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động (*) / Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	2,96%	3,08%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ / 2	448,59%	138,21%

(\*) Chi phí hoạt động bao gồm Chi phí đầu tư

**22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng  
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phí Tuấn Thành  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)